

QUAN HỆ QUỐC TẾ**QUAN HỆ MỸ - EU TRONG HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI GẦN**

TS. Vũ Đăng Hình
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Quan sát diễn biến quan hệ Mỹ - châu Âu, các nhà chính trị, giới học giả có nhiều nhận định khác nhau như: “mâu thuẫn Mỹ - Âu đã biến đổi từ lượng sang chất”; “mối quan hệ mang tính liên minh này đang chầm dứt”; “liên minh này đang thay đổi để tồn tại và phát triển”. Từ những nghiên cứu của mình, chúng tôi cho rằng mối quan hệ giữa hai bờ Đại Tây Dương sau chiến tranh lạnh đang chuyển dần từ mối quan hệ đồng minh đặc biệt sang quan hệ đồng minh bình thường vừa hợp tác lại vừa cạnh tranh bình đẳng hơn. Sự chuyển hướng này sẽ là một quá trình kéo dài, không nhẹ nhàng và cũng không đột ngột.

1. Chuyển từ quan hệ liên minh đặc biệt sang liên minh bình thường.

Mối quan hệ đồng minh đặc biệt được hiểu là sự hợp tác hoàn toàn của châu Âu với Mỹ, nói đúng hơn là của Tây Âu với chiến lược an ninh toàn cầu của Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, thực chất đây là mối quan hệ được triển khai theo sự chỉ huy của Mỹ.

Xu hướng chuyển từ mối quan hệ liên minh đặc biệt sang liên minh bình thường là do những thay đổi

trong bối cảnh quốc tế. Những nhân tố tác động đến cặp quan hệ này hoặc là có thay đổi, hoặc là đã xuất hiện thêm những nhân tố mới.

Sự ra đi của mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương mang tính liên minh đặc biệt với hạt nhân là Tổ chức quân sự Bắc Đại Tây Dương là do:

Thứ nhất, họ mất kẻ thù chung, một kẻ thù rất mạnh, theo các chủ thể này là đe dọa sự tồn tại của chính họ, đó là Liên Xô, do quốc gia này sụp đổ vào cuối thế kỷ trước. Sự sụp đổ của Liên Xô đã làm mất phương hướng hoạt động và lý do tồn tại của NATO và đẩy tổ chức này nhiều năm vào tình trạng khủng hoảng. Tuy hiện nay, nó đã tìm ra được những lý do mới để hoạt động, song đã phải đối mặt với đầy rẫy những vấn đề không thống nhất.

Thứ hai, Mỹ vẫn mong muốn duy trì cách thức chỉ huy mối quan hệ, song châu Âu mong muốn trở thành đối tác bình đẳng.

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, với sức mạnh kinh tế, quân sự và bản chất chế độ của mình, Mỹ đã thay thế nước Anh đứng ra gánh vác vai trò đứng đầu và bảo vệ thế giới tư bản. Mỹ đã xây dựng được nhiều liên minh quân sự và kinh tế theo thị trường tự do do Mỹ lãnh đạo để bao vây và ngăn chặn việc mở rộng ảnh hưởng của

Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản nhằm đảm bảo cho sự tồn tại cũng như lợi ích dân tộc lâu dài của mình. Tất cả những hoạt động này được mang một danh chung là Chiến lược ngăn chặn Chủ nghĩa Cộng sản. Với sức mạnh và chiến lược này, Mỹ không những nhanh chóng giành được quyền lực chi phối các nước đồng minh, áp đặt được các thể chế theo mong muốn của Mỹ mà còn mở rộng được hoạt động kinh doanh tư bản ra toàn bộ địa bàn này, thu lại rất nhiều lợi ích cho Mỹ. Khi Liên Xô sụp đổ, Mỹ không còn đối thủ ngang tầm nào, nhưng nó vẫn không muốn từ bỏ vai trò chỉ huy trong mối quan hệ với Tây Âu, thậm chí đã nhanh chóng chớp lấy cơ hội này triển khai chiến lược mới để xây dựng một trật tự thế giới mới toàn cầu do Mỹ lãnh đạo.

Chiến lược mới này được nhận diện với những nội dung là:

- Xây dựng một thế giới đơn cực do Mỹ lãnh đạo. Không một đối thủ nào, một liên minh nào được phép chia sẻ quyền lãnh đạo với Mỹ. Mỹ sẽ hành động để ngăn chặn sự nổi lên của bất cứ đối thủ cạnh tranh ngang hàng nào ở châu Âu và châu Á. Mỹ sẽ hành động nhanh nhằm phát huy lợi thế công nghệ (người máy, lade, vệ tinh, vũ khí chính xác), để không có bất cứ liên minh nào thách thức Mỹ với tư cách là người lãnh đạo, người bảo vệ và người thực thi của toàn cầu. Mỹ đã đầu tư rất lớn vào quân sự để cho những lợi thế này trở thành lợi thế vĩnh cửu⁽¹⁾.

- Đối với các mối đe dọa toàn cầu không thể dùng phương pháp nhân nhượng, răn đe mà phải bằng biện pháp loại bỏ.

- Để loại bỏ những mối đe dọa này cần thực hiện bằng vũ lực và phải mang tính đánh phủ đầu. Cách lựa

chọn này không còn tuân theo nguyên tắc quốc tế trước đây về quyền tự vệ được nêu trong Điều khoản 51 Hiến chương Liên Hiệp quốc và những tiêu chuẩn của Liên hiệp quốc về việc sử dụng vũ khí thích hợp.

- Mỹ sẵn sàng tấn công vào bất cứ nơi nào, bất cứ thời điểm nào của thế giới mà Mỹ cho rằng đang tiềm ẩn sự đe dọa đối với Mỹ.

- Sự đánh giá thấp những quy định, hiệp ước và các mối quan hệ đối tác an ninh của quốc tế. Lợi ích và mục tiêu chống khủng bố phải được đặt trên những tiêu chuẩn và hiệp định đa phương. Mỹ đã rút khỏi Hiệp ước chống tên lửa đạn đạo, Nghị định thư Kyoto về sự ấm lên của toàn cầu, Toà án Hình sự Quốc tế đều có thể không chấp nhận.

- Mỹ cần đóng vai trò trực tiếp và không bị ép buộc trong việc đáp lại các mối đe dọa. Nói cách khác là Mỹ sẽ hành động một mình mà không cần các đối tác đồng minh.

Trong một chiến lược toàn cầu mới như trên, rõ ràng Mỹ chỉ mong muốn các đối tác Tây Âu và cả các đối tác trong các liên minh tạm thời khác vẫn luôn là những người làm theo sự chỉ huy của Mỹ.

Trái với mong muốn của Mỹ, châu Âu lại muốn trở thành một đối tác bình đẳng.

Ngay trong thời kỳ chiến tranh lạnh, khi mới phục hồi kinh tế, Liên Xô chưa sụp đổ, châu Âu đã có mong muốn trở thành đối tác bình đẳng với Mỹ. Mong muốn này xuất phát từ một thực tế trong quá khứ là châu Âu đã làm chủ cả thế giới bằng con đường thuộc địa hoá, hiện tại một châu Âu liên kết đã có tiềm năng kinh tế ngang bằng với Mỹ, thêm nữa khi Liên Xô sụp đổ không còn áp lực nào với họ, thì chiếc ô an ninh của Mỹ

cũng không còn cần thiết. Châu Âu có thể phát triển độc lập và có khả năng tự mở rộng ảnh hưởng để đảm bảo lợi ích của mình. Chính vì những lý do này mà châu Âu không thể phụ thuộc tiếp tục vào chiến lược an ninh toàn cầu của Mỹ.

Thứ ba, điều kiện để duy trì sự chỉ huy này đã không còn như trước

So với thời điểm chấm dứt chiến tranh thế giới thứ hai, sức mạnh tuyệt đối của Mỹ đã tăng lên, nghĩa là nó đã mạnh hơn chính nó ở rất nhiều mặt, song sức mạnh tương đối của nó đã giảm đi. Trừ sự vượt trội về quân sự, kinh tế, nền tảng lâu dài của sức mạnh quốc gia, vị thế chính trị so với châu Âu của Mỹ hiện nay đã không còn quá vượt trội như thời điểm sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Chính vì sức mạnh giảm đi tương đối này, Mỹ đã không thể đóng vai trò chỉ huy như trước.

Tuy có những nhân tố đang tác động làm cho mối quan hệ này mất dần tính liên minh đặc biệt như đã trình bày trên, song mối quan hệ lớn nhất thế giới này không mất hẳn tính liên minh mà chỉ chuyển dần sang mối quan hệ liên minh bình thường là do:

Thứ nhất, mặc dù hai bên không còn kẻ thù mạnh mẽ, song vẫn còn những đối thủ cạnh tranh tiềm tàng, đáng gờm, mà họ cần đến nhau để bảo vệ cho thế vượt trội của mình trong đời sống quốc tế, đó là một nước Nga đang phục hưng đang muốn lấy lại vị thế của mình chỉ ít cũng ở khu vực thuộc Liên Xô trước đây; một nước Trung Quốc khổng lồ đang phát triển nhanh, hiện đại hoá nhanh và được dự đoán là trong thời gian không xa sẽ vượt lên đứng hàng thứ hai về kinh tế trên thế giới; đó là phong trào Hồi giáo cực đoan đang hoạt động trên quy mô toàn cầu chống lại lợi ích của Mỹ và nhiều nước phương Tây; và

cuối cùng là cuộc đấu tranh có tính đoàn kết của các nước đang phát triển, các nước hầu hết đã là thuộc địa của Châu Âu và Mỹ. Tất cả những lực lượng này sắp tới sẽ là những thế lực cạnh tranh hoặc lực lượng gây cản trở đối với việc mở rộng lợi ích của cả hai đối tác thuộc hai bờ của Đại Tây Dương. Để kiểm chế những lực lượng này, cả Mỹ và châu Âu đều tự thấy một mình mình không thể giải quyết được

Thứ hai, quan hệ kinh tế giữa hai bờ Đại Tây Dương đã phát triển với quy mô rất lớn và rất sâu sắc, các mối quan hệ kinh tế ở nhiều lĩnh vực chằng chịt, đan quyện lấy nhau, phụ thuộc vào nhau. Vấn đề kinh tế của một bên này không chỉ là khó khăn kinh tế xã hội của chính nó mà còn tác động tiêu cực đến bên kia nếu không có sự hợp lực giải quyết. Bởi vậy, việc liên minh giữa hai bên vẫn là cần thiết. Theo một tài liệu nghiên cứu của Viện nghiên cứu Quốc tế Hiện đại thuộc trường Đại học John Hopkins, quan hệ thương mại và đầu tư giữa hai đối tác này vào khoảng 2,5 nghìn tỷ USD hàng năm. Vào năm 2001, châu Âu mua khoảng 24% tổng giá trị xuất khẩu của Mỹ với tổng giá trị 174 tỷ USD. Ngược lại Mỹ cũng mua của châu Âu với một lượng hàng tương tự. Ngoài ra, châu Âu còn là một nguồn cung cấp vốn nổi bật cho nền kinh tế Mỹ. Theo Jay Bryson, một nhà kinh tế thuộc công ty Wachovia Securities “một sự suy giảm đáng kể trong các luồng vốn châu Âu vào Mỹ có thể khiến lãi suất dài hạn phải tăng lên và đồng USD suy yếu”.

Thứ ba, tuy hai bên có không ít khác biệt, song những nền tảng giá trị xã hội của cả Mỹ và Tây Âu đều có những điểm cơ bản mà các học giả phương Tây cho là giống nhau như: chế độ dân chủ, nhà nước pháp quyền,

quyền bình đẳng của con người không bị phân biệt đối xử dựa trên cơ sở cộng đồng xã hội, hay khác biệt kinh tế...

Thứ tư, họ vẫn cần đến nhau trong tương lai gần do những điểm yếu tương đối của mỗi bên.

Về phía Mỹ, mặc dù hiện nay Mỹ là siêu cường duy nhất, song liệu Mỹ có thể duy trì mãi một nền kinh tế tăng trưởng cao hơn các đồng minh để luôn có dư tiềm lực kiềm chế các đối thủ cạnh tranh tiềm năng, hay lực lượng khủng bố bằng chủ nghĩa đơn phương của mình hay không. Rất nhiều nhà chính trị, học giả trên thế giới và của cả Mỹ đều trả lời là không. Vậy là Mỹ ở một lúc nào đó, một lĩnh vực nào đó vẫn phải cần đồng minh. Đối tác gần Mỹ hơn cả lại chính là châu Âu.

Về phía châu Âu, một châu Âu đang tăng cường liên kết mạnh song lại không mạnh so với Mỹ và so với nhu cầu bảo vệ và mở rộng lợi ích của mình. Bởi châu Âu không phải một sớm một chiều trở thành thể chế thống nhất. Rất nhiều sự khác biệt trong cộng đồng này luôn làm cho việc xây dựng thể chế thống nhất của nó chậm chạp. Châu Âu mặc dù đã có những bước đi nhất định để xây dựng lực lượng quân sự riêng làm đối trọng với Mỹ, song để ngang tầm với lực lượng quân sự Mỹ thì còn lâu mới đạt được. Như vậy việc bảo vệ lợi ích bên ngoài lãnh thổ các quốc gia châu Âu chắc chắn còn phụ thuộc vào Mỹ.

Chỉ điểm riêng một vài điểm từ mỗi bên như trên, chúng ta cũng có thể thấy rằng sự suy yếu tương đối của mỗi bên cũng góp phần duy trì liên minh này trong một thời gian không ngắn nữa.

2. Đặc điểm thứ hai, đồng thời cũng là xu hướng vận động của mối quan hệ này trong một vài thập kỷ tới là xu hướng cạnh

tranh và những va chạm ngày một tăng cả ở lĩnh vực kinh tế lẫn chính trị.

Những va chạm này có dấu hiệu ngày một nhiều. Điều này có thể thấy qua hàng loạt sự kiện như: sau cuộc chiến tranh về chuổi, thực phẩm biến đổi gen, lại tới cuộc chiến về thép. Rồi hai bên có quan điểm khác nhau về cuộc khủng hoảng Palestine - Israel, vai trò của các tổ chức quốc tế trên trường quốc tế, Nghị định thư Kyoto về hiệu ứng nhà kính, chương trình phòng thủ tên lửa, vai trò của NATO trong tình hình mới, cuộc chiến Iraq...

Bối cảnh quốc tế thay đổi cùng những tính toán chiến lược mới của cả hai bờ Đại Tây Dương không những chuyển hoá dần mối quan hệ này từ mối quan hệ đồng minh đặc biệt sang mối quan hệ đồng minh bình thường, mà còn làm cho mối quan hệ này tăng sự bất đồng, dù rằng những bất đồng này không phải là xung đột đối kháng. Xu hướng bất đồng này là kết quả tác động của những nhân tố:

Thứ nhất, tính cạnh tranh cố hữu của tư bản, dù rằng chủ nghĩa tư bản đã bước vào giai đoạn toàn cầu hoá ở mức độ cao. Sự liên kết tư bản đã ở mức độ lớn, song tư bản mang tính dân tộc vẫn mang nét chi phối. Điều này có thể tìm thấy dễ dàng ở mọi quốc gia, mọi lúc mọi nơi. Ví dụ như việc bảo hộ thị trường, việc cạnh tranh nguồn cung cấp nguyên liệu... Những xung đột này trong quá khứ vốn đã tồn tại, song chúng được kìm nén trong vòng kiểm soát của Mỹ, hay được giải quyết chủ yếu theo ý Mỹ do so sánh lực lượng của Mỹ hơn hẳn các nước Tây Âu khi đó, thì nay so sánh lực lượng đã trở lên cân bằng hơn do phục hồi của nhiều nước châu Âu và quá trình liên kết của châu Âu đã tiến

những bước dài. Nay sợi dây ràng buộc do thế quá chênh lệch này đã không còn, hoặc quá lỏng, cuộc cạnh tranh trên nhiều lĩnh vực từ xây dựng thể chế đến các hoạt động kinh doanh trên mọi lĩnh vực, hoạt động tìm kiếm đối tác sẽ ngày một mạnh mẽ hơn.

Thứ hai, sự đung độ ở mục tiêu chiến lược của hai đối tác: Mỹ tìm kiếm sự lãnh đạo thế giới, còn châu Âu cố gắng trở thành một cực bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

Sau khi giành được chiến thắng trong cuộc chạy đua giành quyền chi phối thế giới với Liên Xô, Mỹ trước mắt không còn đối thủ. Cộng với sự phát triển kinh tế ngoạn mục của Mỹ sau giai đoạn này trong khi hai trung tâm tư bản khác là Tây Âu và Nhật Bản còn lúng túng trong sự phát triển âm hay tri tri, Mỹ đã không giấu giếm tham vọng tiến tới lãnh đạo toàn thế giới và nếu có thể ở mức cao hơn, kiểm soát toàn thế giới. Tham vọng này đã được cụ thể hoá ở cả chiến lược an ninh do chính phủ Mỹ vạch ra dưới thời Tổng thống Clinton lẫn Tổng thống Bush cho dù cách thức thực hiện có khác nhau. Để đạt mục tiêu, Mỹ phải thực hiện chiến lược kiềm chế tất cả những đối thủ tiềm tàng từ Nga, Trung Quốc, thế giới Ả Rập với lực lượng Hồi giáo cực đoan, châu Mỹ Latinh đến Nhật Bản, Tây Âu vươn lên cạnh tranh vị trí này với Mỹ trong tương lai hay cản trở Mỹ thực hiện mong muốn này. Đối với châu Âu, Mỹ mong muốn khu vực này vẫn nằm dưới sự chỉ huy của Mỹ. Mỹ e ngại châu Âu trở thành một thể chế liên bang thống nhất, Mỹ không muốn châu Âu có lực lượng quân sự hùng mạnh riêng, Mỹ muốn duy trì lâu dài tổ chức quân sự NATO mà Mỹ là trung tâm.

Trong khi đó, châu Âu mong muốn tìm lại vị trí xứng đáng của mình trên trường quốc tế sau khi đã trải qua cơn

bĩ cực sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Mong muốn này xuất hiện từ thời Tổng thống Pháp De Gaulle. Theo đường hướng này, họ đã liên kết EU và đẩy nhanh tốc độ nhất thể hoá, triển khai đồng tiền chung, mở rộng về phía Đông, tìm kiếm thoả thuận để có hiến pháp chung, triển khai lực lượng quân sự riêng ngoài NATO, hay lực lượng quân sự không phụ thuộc vào Mỹ, tăng cường nghiên cứu khoa học quân sự. Châu Âu đang thực sự phấn đấu trở thành một cực bình đẳng và quan trọng trên diễn đàn quốc tế.

Thứ ba, đó là sự khác nhau ở quan niệm xử sự các vấn đề trên thế giới. Mỹ cho rằng chỉ có dựa vào thực lực và cường quyền mới có tác dụng duy trì an ninh và hoà bình thế giới, trong khi đó châu Âu lại cho rằng để đạt mục tiêu này cần phải dựa vào luật pháp và quy tắc. Cách giải thích này có thể tìm thấy ở nhiều học giả. Ví dụ như ở Robert Kagan. Trong cuốn sách "Thiên đường và cường quyền" (Paradise and Power) vừa xuất bản gần đây ở Mỹ, Kagan cho rằng mâu thuẫn bất đồng giữa châu Âu và Mỹ quyết không phải để bảo vệ Saddam mà cũng không phải chỉ xoay quanh chiến tranh chống Iraq mà xuất phát từ tầng sâu hơn, đó là quan niệm ứng xử và thực lực sau chiến tranh thế giới thứ hai, đế quốc thực dân châu Âu lần lượt tan rã và phải dựa vào Mỹ để phục hồi kinh tế, dựa vào chiếc ô hạt nhân của Mỹ để tiết kiệm chi phí quân sự và không cần phải xây dựng một lực lượng quân sự hùng mạnh. Sau chiến tranh lạnh, mục tiêu mà châu Âu theo đuổi là một "nền hoà bình bền vững" như một nhà triết học Đức hy vọng. Nhưng Mỹ, một nước siêu cường duy nhất trên thế giới lại theo quan điểm của nhà triết học Anh

Horbus cho rằng thế giới vô chính phủ đang thịnh hành với đầy rẫy những rối loạn sau thời kỳ chiến tranh lạnh như hiện nay, mà chỉ dựa vào luật pháp và quy tắc để duy trì hoà bình và ổn định là không thể được, nó chỉ có thể dựa vào thực lực và cường quyền mới có tác dụng duy trì an ninh và hoà bình thế giới. Việc áp dụng quan niệm này hoàn toàn do sức mạnh quân sự của Mỹ từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đã vượt hẳn châu Âu. Nhìn từ lịch sử, châu Âu trước đây từng chủ trương bạo lực thì nay lại đổi chỗ cho Mỹ. Tổng thống Mỹ Wilson sau Chiến tranh thế giới thứ nhất từng chủ trương: Thiên hạ thái bình cùng chung một nóc nhà, cộng đồng quốc tế nên lấy luật pháp và dư luận để ngăn chặn những hành vi bạo lực.

Như vậy, những khác biệt cố hữu về lợi ích, về nhận thức thế giới và phương pháp ứng xử với nó trong điều kiện so sánh lực lượng giữa Mỹ và châu Âu ngày càng giảm dần sự chênh lệch đang và sẽ làm cho cuộc cạnh tranh giữa hai người "khổng lồ" trong cùng liên minh ngày càng mạnh hơn.

3. Một liên minh lớn, hai liên minh nhỏ.

Một biểu hiện nữa đang lớn dần và có thể trở thành một xu hướng của mối quan hệ này là khả năng hình thành những liên minh mới có quy mô nhỏ hơn giữa Mỹ và các nhóm nước khác nhau ở châu Âu.

Mặc dù vẫn nằm trong liên minh của Mỹ, song những năm gần đây châu Âu và Mỹ đã nảy sinh nhiều bất đồng ngày càng sâu sắc trên nhiều phương diện, từ chính trị đến kinh tế - xã hội và đặc biệt là quốc phòng. Châu Âu đang bền bỉ phấn đấu trở thành một siêu cường thế giới có khả

năng bình đẳng thực sự với Mỹ. Nhưng điều này đã không phù hợp với lợi ích của Mỹ, thậm chí còn cản trở Mỹ thực hiện ý đồ chiến lược của mình. Để cản trở quá trình tập trung hoá sức mạnh ở châu Âu này, khi biết rõ ràng rằng châu Âu không đồng nhất về mọi phương diện, Mỹ đã thực hiện một chính sách phân biệt đối với châu Âu. Chính sách phân biệt này được nhiều nhà quan sát gọi bằng cái tên là "chính sách chia để trị". Trong cuộc chiến tranh ở Iraq, mặc dù không được sự ủng hộ hoàn toàn của NATO, hạt nhân quân sự của châu Âu, song Mỹ vẫn tìm được tiếng nói ủng hộ của nhiều nước như Anh, Tây Ban Nha, Ý, Ba Lan và nhiều nước Đông Âu khác. Như vậy Mỹ đã nhìn châu Âu với sự cấu thành của hai bộ phận "châu Âu cũ" và "châu Âu mới" ■

Tài liệu tham khảo:

1. Trịnh Nghênh Bình, "Tư duy chiến lược liên minh mới của chính quyền Bush", Tạp chí "Quan hệ quốc tế hiện đại", Trung Quốc, số 11/2002.
2. Rajan Menon & Monroe Rathbone, "Kỷ nguyên liên minh đang có xu thế chấm dứt", báo "Washington Post", ngày 8/3/2003.
3. "Châu Âu, đối tác cần thiết", Tạp chí Foreign Affairs, số 5-6/2003.
4. "Mối quan hệ xuyên Đại Tây Dương: Chia rẽ nhưng vẫn cần đến nhau", Tạp chí Foreign Affairs, số 11-12/2003.
5. "Lần đầu tiên châu Âu cũ dám thách thức Mỹ", báo "Thương nhân", Nga, ngày 11/2/2003.
6. "Rạn nứt trong NATO hay cuộc khủng hoảng Mỹ - châu Âu", báo "Buổi chiều", Bỉ, ngày 11/2/2003.
7. "Mỹ-Pháp: căng thẳng tạm thời hay khủng hoảng lâu dài", Défense Nationale, số 7/2003.
8. "Sự suy giảm quyền lực mềm của Mỹ", Foreign Affairs, số 5-6/2004.
9. M. Albright: "Quan hệ Mỹ - châu Âu không cải thiện dưới thời Bush", Bài phát biểu tại Stockholm, ngày 25/8/2004.

Chú thích:

- (1) Foreign Affair/số 9-10/2002.